

Số: 19 /QB-UBND

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 22 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2316/TTr-SKHĐT ngày 23/12/202.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu

Thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX. Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, tận dụng thời cơ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển nhanh và bền vững; nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội. Phấn đấu đến năm 2025, Quảng Ngãi trở thành tỉnh phát triển khá của Vùng miền Trung; tạo tiền đề để đến năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá, có thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng mức bình quân của cả nước.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân 7,0% - 8,0%/năm;

- Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người khoảng 4.200 – 4.400 USD;

- Đến năm 2025, tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng, dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 69-70%; trong đó, công nghiệp - xây dựng khoảng 40-41% GRDP;
- Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn 5 năm ít nhất 150.000 tỷ đồng;
- Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) tăng 7-10%/năm;
- Năng suất lao động tăng bình quân 6-8%/năm;
- Phân đầu thu ngân sách hàng năm vượt mức chỉ tiêu Trung ương giao trên 5%;
- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt trên 35%;
- Đến năm 2025, có 119 xã và 6 huyện đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới;
- Đến năm 2025, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 37%;
- Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 65%;
- Đến năm 2025, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng 2,8%;
- Đến năm 2025, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ít nhất là: Mầm non: 50%; Tiểu học: 88%; Trung học cơ sở: 88,0%; Tiểu học - Trung học cơ sở: 32,0%; Trung học phổ thông: 71,0%;
- Đến năm 2025, có trên 8 bác sĩ/vạn dân; 32 giường bệnh/vạn dân (không tính trạm y tế xã);
- Đến năm 2025, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số;
- Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh bình quân giảm 1 – 1,5%/năm;
- Đến năm 2025, có ít nhất 90% dân số đô thị được sử dụng nước sạch;
- Đến năm 2025, có ít nhất 75% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch; 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh;
- Đến năm 2025, có ít nhất 65% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt chuẩn;
- Đến năm 2025, có ít nhất 90% chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom, xử lý;
- Đến năm 2025, có ít nhất 95% chất thải y tế được xử lý đạt chuẩn;
- Đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng (có tính cây phân tán) giữ ổn định 52%;
- Hàng năm, có khoảng 95% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng. Trong đó: có 65% xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện;
- Hàng năm, có ít nhất 80% xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”.

II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng cơ chế, chính sách; quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030; huy động, phân bổ hiệu quả nguồn lực xã hội; bố trí vốn đầu tư công hợp lý

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, triển khai thực hiện hiệu quả, hiệu lực 03 nhiệm vụ trọng tâm và 03 nhiệm vụ đột phá về lĩnh vực kinh tế - xã hội đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

- Hoàn thành Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo tính khoa học, tính liên tục, kế thừa, có tầm nhìn dài hạn, kết nối. Tăng cường quản lý chặt chẽ, đồng bộ quy hoạch tỉnh, các quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch xây dựng và dự án đầu tư cụ thể, bảo đảm phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Huy động, phân bổ hiệu quả nguồn lực xã hội, chú trọng cả nguồn lực tài chính, nguồn nhân lực và khoa học công nghệ, thực hiện hiệu quả quy hoạch tỉnh và các chương trình, kế hoạch cụ thể của từng ngành, lĩnh vực.

- Tập trung rà soát các cơ chế, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành từ năm 2010 đến nay để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn và đúng quy định pháp luật. Thực hiện chặt chẽ việc đánh giá tác động, việc lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách để phù hợp với tình hình, nhu cầu và đảm bảo tính khả thi của chính sách sau ban hành.

2. Định hướng phát triển các vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế động lực phù hợp với điều kiện từng vùng; phát triển hài hòa, bền vững giữa các vùng

Vùng miền núi: Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Nghiên cứu chính sách đặc thù thu hút đầu tư và ưu tiên nguồn lực đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững. Phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với công nghiệp chế biến gỗ theo hướng xuất khẩu.

Vùng đồng bằng: Quy hoạch, phát triển một số vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp chuyên canh gắn với công nghiệp chế biến. Phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, dựa vào khoa học, công nghệ, có năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và giá trị gia tăng cao.

Vùng ven biển, hải đảo: Thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phát triển kinh tế biển đồng bộ cả công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, hạ tầng cảng biển, logistics. Quy hoạch, đầu tư phát triển các khu đô thị, dịch vụ, du lịch chất lượng cao ven biển dọc theo tuyến Dung Quất - Sa Huỳnh. Phát triển bền vững huyện Lý Sơn.

Tập trung phát triển 03 vùng kinh tế động lực của tỉnh: (1) Thành phố Quảng Ngãi là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh; (2) Khu Kinh tế Dung Quất và vùng lân cận là trung tâm phát triển công nghiệp của tỉnh; (3) Vùng ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh và Lý Sơn là trọng tâm phát triển về du lịch, dịch vụ.

3. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành

công nghiệp công nghệ cao; phát triển công nghiệp ngoài dầu và công nghiệp phụ trợ cho các cụm ngành công nghiệp có lợi thế

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp; phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân từ 8 - 9%/năm. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch; chế biến, chế tạo; xử lý nước thải, rác thải; năng lượng tái tạo; công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

- Xác định “những điểm nghẽn” còn tồn tại; rà soát lại các cơ chế, chính sách, xem xét đổi mới, cải tổ mô hình hoạt động của KKT Dung Quất; bố trí nguồn lực để phát triển Khu Kinh tế Dung Quất trở thành một trong những khu kinh tế ven biển trọng điểm của Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ; hoàn chỉnh Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Dung Quất đến năm 2035, tầm nhìn 2050, trình phê duyệt trong tháng 10/2021 để thống nhất và thuận lợi trong công tác kêu gọi, thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất.

- Phối hợp với Bộ, ngành Trung ương xây dựng Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất. Tích cực phối hợp các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh Quảng Nam và Nhà đầu tư thực hiện Dự án đưa khí từ mỏ Cá Voi Xanh vào bờ, chuẩn bị các điều kiện để thực hiện các dự án điện khí tại Khu kinh tế Dung Quất.

- Hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án công nghiệp trọng điểm trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh sớm đi vào hoạt động phát huy hiệu quả như: Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, cảng tổng hợp – container Hòa Phát, dự án Thép Hòa Phát mở rộng, Nhà máy Điện Dung Quất I, III do ENV làm chủ đầu tư; xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án điện khí khác... Phấn đấu trong giai đoạn 2021 - 2025, Khu Kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi thu hút khoảng 1,0 - 1,5 tỷ USD; đến năm 2025, kim ngạch xuất khẩu đạt 1.290 triệu USD, giải quyết việc làm cho hơn 77.000 lao động.

- Kêu gọi thu hút đầu tư phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp đồng bộ; mở rộng, đẩy nhanh tốc độ phát triển Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi; bố trí nguồn lực hoặc kêu gọi đầu tư Khu Công nghiệp - Đô thị Dung Quất, Khu công nghiệp nhẹ Bình Hòa - Bình Phước; từng bước đầu tư Khu công nghiệp Phở Phong.

- Lựa chọn, hình thành một số cụm liên kết ngành công nghiệp đối với một số sản phẩm trong các ngành công nghiệp ưu tiên theo lợi thế cạnh tranh, chuyên môn hóa và chuỗi giá trị.

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ cho ngành lọc hóa dầu, luyện kim, cơ khí, sản xuất, chế biến thực phẩm, đồ uống, chế biến gỗ điện - điện tử; tiếp tục thu hút, phát triển công nghiệp hỗ trợ cho ngành dệt may.

4. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, phát triển theo hướng chuyên sâu, bền vững; nâng cao giá trị gia tăng gắn với chuỗi giá trị

các ngành hàng nông nghiệp. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi.

- Xây dựng Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Phát triển nông nghiệp bền vững, phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân 4 -5%/năm. Hiện đại hóa, thương mại hóa nông nghiệp. Phát triển mạnh diện tích đồn điền đồi thửa kết hợp với xây dựng cánh đồng lớn, đưa cơ giới hóa vào để nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp. Triển khai thực hiện chính sách đối với nông nghiệp và nông thôn, nhất là chính sách tích tụ, tập trung ruộng đất gắn với cơ cấu lại lao động ở nông thôn. Triển khai hiệu quả các chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; xúc tiến, kêu gọi đầu tư sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao.

- Tập trung phát triển sản phẩm nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, năng suất cao, giá trị lớn và có khả năng xuất khẩu; xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp; phát triển sản phẩm chủ lực, đặc trưng, có thể mạnh. Hướng đến sản phẩm nông nghiệp của tỉnh phải tham gia vào chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng của khu vực, cả nước. Khuyến khích phát triển bền vững kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã kiểu mới; tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển; góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu dùng và xuất khẩu.

- Xác định sản phẩm nông nghiệp có tiềm năng, lợi thế, có khả năng nâng cao giá trị gia tăng để ưu tiên hỗ trợ đầu tư; chuyển từ đặt nặng về số lượng sang nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế. Tiếp tục chuyển đổi mùa vụ, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi phù hợp; đẩy mạnh phát triển trang trại, gia trại.

- Chuyển mạnh từ coi trọng tăng độ che phủ rừng sang nâng cao chất lượng rừng, nhất là nâng cao giá trị kinh tế của rừng trồng mà trọng tâm là phát triển rừng trồng cây gỗ lớn, quý, hiếm; tập trung nâng cao chất lượng rừng bền vững tiến tới cấp chứng chỉ rừng (FSC); khai thác rừng trồng hợp lý, gắn với công nghệ chế biến tiêu thụ sản phẩm để nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm rừng trồng.

- Phát triển thủy sản bền vững; hiện đại tàu cá và nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản xa bờ; tập trung nuôi trồng các loại thủy sản có lợi thế, có tính cạnh tranh cao. Thu hút đầu tư các cơ sở bảo quản, chế biến thủy sản.

- Chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như công trình tưới tiêu, ngăn mặn giữ ngọt, đê điều, cảng neo trú để vừa phục vụ vừa bảo vệ sản xuất. Quản lý nguồn nước tưới cho cây trồng; tăng cường công tác dự báo khí hậu ngắn và dài hạn, đặc biệt là dự báo các hiện tượng khí hậu cực đoan để giảm thiểu sự thiệt hại do biến đổi khí hậu.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới bảo đảm thực chất, bền vững. Triển khai công tác rà soát, đánh giá quá trình thực hiện để kịp thời điều chỉnh quy hoạch

nông thôn mới phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Phân đấu đến năm 2025, Quảng Ngãi có 119/148 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 80,4%/tổng số xã) và 06/13 huyện, thành phố về đích nông thôn mới; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; phân đấu đến năm 2025, có ít nhất 36 xã, 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động ở nông thôn; chuyển dịch lao động nông thôn sang lĩnh vực công nghiệp và các ngành khác.

5. Đẩy mạnh phát triển dịch vụ, du lịch, nhất là du lịch ven biển đảo; chú trọng phát triển dịch vụ giá trị gia tăng cao

- Phát triển đa dạng các ngành dịch vụ; đẩy mạnh phát triển du lịch. Phân đấu tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ bình quân từ 8 - 9%/năm. Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, dịch vụ logistics. Khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ công.

- Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý thị trường. Đẩy mạnh thực hiện các biện pháp để đưa Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” thực sự đi vào cuộc sống, gắn với thúc đẩy sản xuất, nâng cao tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm. Tích cực hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường.

- Thu hút đầu tư, phát triển các siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi. Khuyến khích phát triển thương mại điện tử. Tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư hệ thống chợ theo quy hoạch. Đối với chợ du lịch, chợ đêm, phố đêm, chợ chuyên doanh phục vụ du lịch: lựa chọn địa điểm cụ thể và hình thức hoạt động phù hợp, hiệu quả để quy hoạch một số tuyến phố thương mại, phố đêm, phố ẩm thực, chợ đêm, khu vực chuyên doanh hàng lưu niệm, đặc sản.

- Nghiên cứu, hỗ trợ “đóng gói sản phẩm” các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm đặc thù, có lợi thế của từng địa phương với các tiêu chí về chứng nhận an toàn, chỉ dẫn xuất xứ hàng hóa vào các hệ thống siêu thị, trung tâm phân phối trong và ngoài tỉnh.

- Thu hút đầu tư, tạo động lực phát triển Trung tâm logistics khu vực cảng biển Dung Quất thuộc Khu kinh tế Dung Quất, gắn liền và phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu, hỗ trợ các hoạt động tiếp xúc, kết nối với các tỉnh thuộc Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung.

- Phát triển du lịch biển, đảo trở thành loại hình du lịch chủ đạo, lấy Lý Sơn làm hạt nhân. Phát huy giá trị di sản của công viên địa chất toàn cầu Lý Sơn - Sa Huỳnh trong các hoạt động văn hóa, du lịch. Tích cực thu hút đầu tư, nhất là các nhà đầu tư chiến lược đầu tư các khu, điểm du lịch quy mô lớn, hiện đại. Xây dựng Chương trình định vị và phát triển thương hiệu du lịch của tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phát triển du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh trên cơ sở nâng tầm giá trị di sản văn hóa Sa Huỳnh, Trường Lũy Quảng Ngãi, các di sản văn hóa vật thể,

phi vật thể. Kêu gọi đầu tư phát triển du lịch sinh thái ở núi Cà Đam, Gành Yên, suối nước nóng Thạch Bích,... Hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ đầu tư, đưa vào khai thác Khu văn hóa Thiên Mã; đầu tư Công viên Thiên Bút; kêu gọi đầu tư Khu văn hóa Thiên Ân. Tạo thuận lợi để đầu tư đồng bộ, khai thác hiệu quả các khu, điểm du lịch: Suối Chí, Bãi Dừa, suối nước nóng Nghĩa Thuận, thác Trắng, Thiên Đàng. Thúc đẩy sớm xây dựng, đưa vào khai thác các khu du lịch nghỉ dưỡng ở khu đô thị Vạn Tường, Bình Châu, Mỹ Khê, Mộ Đức, Sa Huỳnh,... Đa dạng hóa mô hình nông nghiệp kết hợp du lịch, giải trí. Thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn ở những nơi có điều kiện.

6. Thực thi hiệu quả, hiệu lực trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đẩy mạnh thu hút đầu tư trên cơ sở phát huy lợi thế, tiềm năng, năng lực cạnh tranh của tỉnh; hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp, nhà đầu tư

- Tiếp tục triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Trong đó, tập trung các nhiệm vụ trọng tâm: Cải cách thủ tục hành chính; cải thiện các chỉ số tiếp cận đất đai, chi phí thời gian, cạnh tranh bình đẳng, gia nhập thị trường và đào tạo lao động; ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ công. Tập trung tháo gỡ vướng mắc trong thủ tục đầu tư, bồi thường, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị sẵn quỹ đất sạch để tạo điều kiện triển khai các dự án.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến có trọng tâm, trọng điểm, có địa chỉ cụ thể, trong đó đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước, nhất là các tập đoàn kinh tế lớn; tăng cường xúc tiến đầu tư "tại chỗ". Đồng thời, tranh thủ các điều kiện thuận lợi từ bối cảnh tình hình thế giới để đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

- Thu hút các dự án đầu tư có chất lượng, ưu tiên đối với lĩnh vực công nghiệp, logistics, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp "xanh", hạ tầng đô thị, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đặc biệt, chú trọng thu hút dự án thuộc lĩnh vực sản xuất tư liệu sản xuất thay thế sản phẩm nhập khẩu nhằm tạo mối liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước, đồng thời tạo nền tảng cho phát triển công nghiệp phụ trợ của tỉnh.

7. Tăng cường các biện pháp thu, chi và quản lý ngân sách nhà nước

- Chỉ đạo quyết liệt, phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu ngân sách nhà nước hằng năm. Tổ chức điều hành, quản lý chặt chẽ nguồn thu, thực hiện thu đúng, thu đủ; chống thất thu, nợ đọng thuế. Tăng cường cải cách thủ tục hành chính thuế; ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết với cải cách hành chính, khai, nộp, hoàn thuế điện tử; thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý nợ đọng thuế, đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, trốn thuế, chuyên giá, bảo đảm thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước.

- Tăng cường khai thác các nguồn thu ngoài dầu; cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng tăng chi đầu tư phát triển. Thực hiện triệt để tiết kiệm

các khoản chi thường xuyên, chi cho bộ máy nhà nước, chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập. Tổ chức trực báo, kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư công.

8. Xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin và phát triển đô thị

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ theo quy hoạch. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch, ưu tiên các công trình trọng điểm, có sức lan tỏa. Hoàn thành đưa vào sử dụng dự án hạ tầng giao thông kết nối quan trọng: Đầu tư hoàn thành tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn 2, kết nối thông suốt với tuyến ven biển các tỉnh Quảng Nam, Bình Định; nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các tuyến đường kết nối cao tốc Quảng Ngãi - Đà Nẵng - Huế, Quốc lộ 1A, Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh...

- Tiếp tục huy động nguồn lực từ quỹ đất và nguồn lực xã hội để phát triển hạ tầng đô thị. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng đô thị thành phố Quảng Ngãi và kết cấu hạ tầng đô thị cấp huyện, trong đó, chú trọng đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung đô thị; đầu tư xây dựng đô thị phù hợp với xu hướng phát triển đô thị thông minh, đô thị xanh, thích ứng biến đổi khí hậu, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên và nguồn lực. Kiểm tra, đôn đốc thực hiện các dự án khu dân cư, đô thị; quản lý chất lượng các dự án bất động sản từ khâu quy hoạch, chủ trương đầu tư, thực hiện đầu tư và quản lý, vận hành các khu đô thị mới, chú trọng quản lý chất lượng đô thị.

- Đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa, phấn đấu sớm bằng mức bình quân chung cả nước. Tập trung phát triển thành phố Quảng Ngãi về hướng biển, phấn đấu sớm đạt chuẩn đô thị loại I. Quan tâm đầu tư, phát triển trung tâm huyện lỵ mới Sơn Tịnh và các đô thị trung tâm ở các huyện. Phấn đấu đến năm 2025, phát triển thị xã Đức Phổ đạt chuẩn đô thị loại IV, một số tiêu chí đạt chuẩn đô thị loại III; các đô thị Di Lăng, Châu Ổ, Vạn Tường đạt chuẩn đô thị loại IV; Lý Sơn, Ba Tư, Trà Xuân đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại IV; các đô thị còn lại đạt chuẩn đô thị loại V. Phát triển huyện Bình Sơn thành thị xã.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung các đô thị. Hướng đến phủ kín quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị để thực hiện tốt công tác quản lý đất đai, xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật và thu hút đầu tư theo đúng quy hoạch. Quản lý chặt chẽ các đồ án quy hoạch xây dựng, đô thị đã được phê duyệt. Gắn phát triển đô thị, quản lý, sử dụng đất với đầu tư xây dựng các công trình, dự án đảm bảo sự phát triển đồng bộ, bền vững, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai. Triển khai xây dựng và thực hiện Kế hoạch phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tiếp tục thu hút doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng hậu cần nghề cá, phục vụ nông nghiệp và thích ứng với biến đổi khí

hậu. Bố trí nguồn lực phù hợp với khả năng ngân sách để đầu tư, kiên cố trường, lớp học; nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh đạt tiêu chuẩn hạng 1, các bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh; đầu tư Khu liên hợp thể dục, thể thao. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các lĩnh vực giáo dục, y tế, thể thao.

- Ưu tiên đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông hiện đại, đồng bộ, bảo đảm năng lực và an toàn, an ninh thông tin. Xây dựng và chuẩn hóa hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã trên địa bàn tỉnh với giải pháp công nghệ, thiết bị tiên tiến.

9. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý về tài nguyên, môi trường; chủ động phòng tránh thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai; tăng tính minh bạch trong công tác quản lý và sử dụng đất đai. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng và quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hoàn thiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn toàn tỉnh.

- Khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản, tập trung là cát lòng sông, đá xây dựng; tăng cường quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Thúc đẩy xã hội hóa công tác vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường.

- Ưu tiên nguồn lực cho lĩnh vực bảo vệ môi trường. Xây dựng, ban hành các tiêu chí về môi trường để sàng lọc, lựa chọn các dự án đầu tư tại địa phương và danh mục các ngành, lĩnh vực sản xuất tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường để hạn chế đầu tư ở tỉnh. Tăng cường quản lý, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và hoạt động khai thác, vận chuyển và chế biến khoáng sản; kiểm soát chặt chẽ các nguồn xả thải.

- Siết chặt quản lý, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong khai thác tài nguyên, khoáng sản. Bảo vệ và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước ở Lý Sơn, vùng ven biển, lưu vực các dòng sông, nước ngầm và nguồn nước từ hệ thống thủy lợi Thạch Nham.

- Quy hoạch, huy động nguồn lực đầu tư các dự án xử lý rác thải. Giải quyết triệt để các vấn đề bức xúc liên quan đến rác thải, ô nhiễm môi trường. Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, vận động Nhân dân thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, hạn chế và tiến tới không sử dụng túi ni lông dùng một lần; đẩy mạnh phong trào “Chống rác thải nhựa”. Từng bước thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, coi rác thải là tài nguyên.

- Xây dựng các kịch bản, kế hoạch hành động chủ động ứng phó, giảm nhẹ hậu quả do thiên tai gây ra, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đầu tư, xây dựng các công trình chống sạt lở; bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển. Chủ động thực hiện có hiệu quả công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai.

10. Phát triển hài hòa các lĩnh vực văn hóa, xã hội, không ngừng nâng

cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

- Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa; xây dựng con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững. Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư tôn tạo di tích, di sản. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng Lý Sơn và vùng phụ cận thành công viên địa chất toàn cầu. Phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao tại các khu công nghiệp, khu kinh tế; thực hiện tốt Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh" và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Đến năm 2025, có 90% gia đình, 84% thôn, tổ dân phố và 97,5% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Phát triển thể thao thành tích cao, chuyên nghiệp; chú trọng đào tạo tài năng về thể thao, phát triển thể dục, thể thao cơ sở.

- Giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho người có công với cách mạng. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia vận động phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", chăm sóc "Bà mẹ Việt Nam anh hùng". Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội; quan tâm chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, thanh thiếu niên, phụ nữ.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách giảm nghèo đa chiều, nhất là ở các huyện miền núi. Làm tốt công tác giáo dục - đào tạo, xem đây là giải pháp căn cơ để thoát nghèo bền vững.

- Xây dựng và triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Tiếp tục nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách mang tính chất khuyến khích, biểu dương, khen thưởng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành tích cao trong lao động, sản xuất tạo ra nguồn thu nhập cao cho gia đình và tự vươn lên thoát nghèo. Ưu tiên nguồn lực thực hiện chính sách đối với đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số. Phấn đấu giảm 1% - 1,5%/năm số hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025, trong đó, đồng bằng giảm từ 0,4% - 0,6%/năm, miền núi giảm từ 4% - 4,5%/năm.

11. Phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học - công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; tập trung giải quyết việc làm

- Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tiếp tục triển khai đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; chú trọng giáo dục, phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất người học. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục ở các bậc học. Nâng cao chất lượng hoạt động hướng nghiệp, phân luồng học nghề cho học sinh

sau tốt nghiệp phổ thông. Đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, bảo đảm giữ chuẩn và nâng chuẩn: Đến năm 2025, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: mầm non 50%; tiểu học 88%; trung học cơ sở 88,6% và trung học phổ thông 71,1%. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo.

- Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, bảo đảm đủ giáo viên cho từng cấp học, môn học. Ưu tiên nguồn tài chính cho giáo dục, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ tốt việc triển khai chương trình và sách giáo khoa mới; tăng cường sử dụng phương tiện, phương pháp dạy học hiện đại. Huy động nguồn lực, sự tham gia của xã hội để phát triển giáo dục và đào tạo.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Phạm Văn Đồng và các trường cao đẳng của tỉnh.

- Thực hiện hiệu quả Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo.

- Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ; hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; hoạt động hướng nghiệp trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông; phấn đấu có ít nhất 30% học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở đi học nghề. Rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng giảm số lượng, tăng quy mô cơ sở giáo dục nghề nghiệp; bảo đảm cơ cấu và hợp lý về ngành nghề, trình độ đào tạo, chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng. Phát triển các trường cao đẳng, trung cấp có năng lực đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật trực tiếp của ngành, địa phương. Phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của các tổ chức xã hội để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và việc làm cho người lao động. Thúc đẩy phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Chú trọng đào tạo, đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp; đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Nâng cao chất lượng hoạt động dự báo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu việc làm và nhu cầu đào tạo theo lĩnh vực, ngành nghề, cấp trình độ đào tạo; đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm theo địa chỉ, theo nhu cầu của doanh nghiệp. Nâng tần suất các phiên giao dịch việc làm lên 04 phiên/tháng; nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay vốn

giải quyết việc làm, ưu tiên cho vay vốn giải quyết việc làm ở khu vực phi nông nghiệp; tiếp tục đẩy mạnh đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, ưu tiên các nước, địa bàn an toàn, có thu nhập tốt,...

12. Phát triển sự nghiệp y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh tại các tuyến; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế chuyên môn, tinh thần thái độ phục vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ sở khám chữa bệnh. Khẩn trương và kiên trì thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp khắc phục tình trạng quá tải ở bệnh viện cấp tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ trong các bệnh viện công lập.

- Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới y tế dự phòng, y tế cơ sở; chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để xảy ra dịch lớn. Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Đẩy mạnh thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Phát triển mạng lưới y tế học đường.

- Củng cố và hoàn thiện mạng lưới trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện; bảo đảm 100% số xã có trạm y tế phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu khám chữa bệnh từng vùng; tăng cường đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- Phát triển nguồn nhân lực y tế cân đối và hợp lý. Thực hiện tiêu chuẩn hoá đội ngũ cán bộ y tế, sử dụng thành thạo các phương tiện khoa học kỹ thuật hiện đại trong công tác khám, chẩn đoán, điều trị. Thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công tư trong y tế, tạo điều kiện để y tế tư nhân phát triển; thu hút đầu tư phát triển y tế kỹ thuật cao và các hoạt động chăm sóc sức khỏe. Kết nối hệ thống mạng để hỗ trợ chẩn đoán và điều trị giữa Bệnh viện đa khoa tỉnh với các trung tâm y tế chuyên sâu và kỹ thuật cao của Trung ương. Phấn đấu đến năm 2025, có 95% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

- Tiếp tục triển khai Đề án nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh lên hạng I và là Bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện Trung ương Huế; Đề án xã hội hóa hoạt động y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2019-2025.

13. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về thanh tra, thực hiện nghiêm túc kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được Thủ trưởng các cấp phê duyệt; chủ động tiến hành thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm; phối hợp, hoàn thành tốt việc xử lý trùng lặp, chồng chéo trong hoạt động thanh tra, nhất là thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Phát huy, gắn trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 24/5/2019 của UBND tỉnh về kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đông người, phức tạp, kéo dài.

14. Xây dựng Chính quyền kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động; bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, xây dựng, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật; hoàn thiện nền tảng chính quyền điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Tổ chức tốt cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai Chương trình, Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa XII về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp. Bám sát tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ. Tích cực triển khai Nghị quyết số 19/NQ-TW, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính. Nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, cung cấp dịch vụ công trực tuyến với mục tiêu phục vụ “Công khai - Minh bạch - Chất lượng - Đúng hẹn” trong giải quyết thủ tục hành chính. Lựa chọn thủ tục hành chính đáp ứng đủ điều kiện để tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, công dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Nâng cao chất lượng thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm đồng bộ, khả thi; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính.

- Từng bước hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử, chính quyền số. Đầu tư xây dựng và chuẩn hóa hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ theo hướng đồng nhất, đồng bộ để chia sẻ dữ liệu và tài nguyên từ hệ thống lưu trữ trung tâm (data center); đẩy mạnh phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trên tất cả các lĩnh vực; triển khai các phần mềm dùng chung đảm bảo đồng

bộ, thống nhất; bảo đảm các giao dịch hành chính, dịch vụ công, xử lý công việc trên môi trường mạng, hướng tới cơ quan nhà nước không giấy tờ. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

15. Tăng cường quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

- Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an toàn các mục tiêu trọng điểm; tăng cường công tác bảo vệ an ninh, chủ quyền vùng biển. Đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho ngư dân về hành nghề kết hợp bảo vệ chủ quyền biển, đảo, không xâm phạm vùng biển các nước để khai thác thủy sản. Triển khai thực hiện tốt, kịp thời công tác biên giới biển đảo, bảo hộ ngư dân và tàu thuyền.

- Đẩy mạnh công tác hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại, quảng bá, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh, khả năng hợp tác của tỉnh; đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, hợp tác hữu nghị truyền thống với các địa phương của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; mở rộng, thiết lập quan hệ hợp tác với các cơ quan ngoại giao, địa phương, các doanh nghiệp các nước. Tổ chức xúc tiến, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, các sở, ban ngành, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch hành động cụ thể của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả; hàng năm và giữa nhiệm kỳ có kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- VP Tỉnh ủy và các Ban đảng trực thuộc Tỉnh ủy;
- VP: HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VPUB: PCVP, các P.N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, TH_{h9}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh